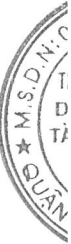


CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

*Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020*



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần BCG Energy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty

Công ty Cổ phần BCG Energy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/06/2017. Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 27/03/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 1.200.000.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2020: 1.200.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất điện (3511).

3. Ngành nghề kinh doanh

Phá dỡ; Sản xuất đồ điện dân dụng (không hoạt động tại trụ sở); Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình đường sắt; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở). Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh); Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh như thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật); Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê ô tô và xe có động cơ khác; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các Công ty con là trong vòng 12 tháng.

5. Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

6. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Đại diện theo Pháp luật**Hội đồng Quản trị**

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên
Ông	Phạm Minh Tuấn	Thành viên
Ông	Nguyễn Mạnh Chiến	Thành viên
Ông	Bùi Thành Lâm	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 31/03/2020)
Ông	Ng Wee Siong Leonard	Thành viên
Ông	Byung Chul Shin	Thành viên
Ông	Tan Bo Quan, Andy	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 31/03/2020)
Bà	Trương Ngọc Thùy Trang	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 18/05/2020)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông	Đông Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 05/08/2020)
Ông	Trần Quang Luân	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 29/09/2020)
Ông	Phạm Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính
Bà	Đoàn Thị Hiền	Kế Toán Trưởng

Đại diện pháp luật

Ông	Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
-----	----------------	---------------

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty và các Công ty con tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Đại diện pháp luật

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Tuấn



Số : 320A/BCKT/TC/2021/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần BCG Energy được lập ngày 15/03/2021 từ trang 08 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của **Công ty Cổ phần BCG Energy** tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0064-2018-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Vũ

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0699-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.559.350.349.502	128.229.739.486
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	448.133.059.898	10.991.535.032
1. Tiền	111		443.333.059.898	991.535.032
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.800.000.000	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.04	600.000.000	13.500.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		600.000.000	13.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.739.528.498.981	103.034.907.987
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	2.583.087.714	19.562.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	533.883.134.037	1.043.473.700
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	2.203.062.277.230	82.429.434.287
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	258.297.220	435.198.443
1. Hàng tồn kho	141		258.297.220	435.198.443
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		370.830.493.403	268.098.024
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	904.239.418	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		369.917.104.154	268.098.024
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.11	9.149.831	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.578.545.685.124	790.732.407.132
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.046.249.973.001	503.530.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	3.046.249.973.001	503.530.000.000
II. Tài sản cố định	220		150.701.489.870	2.030.655.161
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	150.701.489.870	2.030.655.161
- Nguyên giá	222		153.163.370.484	2.087.567.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.461.880.614)	(56.912.112)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	3.768.837.404.599	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.768.837.404.599	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.04	517.229.707.497	280.119.900.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		369.639.707.497	279.529.900.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		147.590.000.000	590.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		95.527.110.157	5.051.851.971
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	3.429.890.478	5.051.851.971
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.557.772.078	-
5. Lợi thế thương mại	269		89.539.447.601	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.137.896.034.626	918.962.146.618



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.399.123.027.069	124.434.598.238
I. Nợ ngắn hạn	310		3.726.347.110.543	8.684.598.238
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	3.364.803.297.743	6.446.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	8.695.725.971	76.735.407
4. Phải trả người lao động	314		182.030.000	331.915.455
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	33.326.508.937	2.619.438.356
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	217.764.599.676	5.650.062.520
10. Vay và nợ tài chính ngắn hạn	320	V.14	101.574.948.216	-
II. Nợ dài hạn	330		5.672.775.916.526	115.750.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	3.522.283.900.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	1.030.192.016.526	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.15	1.120.300.000.000	115.750.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.738.773.007.557	794.527.548.380
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	1.738.773.007.557	794.527.548.380
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.200.000.000.000	800.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.200.000.000.000	800.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		51.844.817.997	(5.408.196.973)
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(5.354.250.017)	(28.779.026)
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		57.199.068.014	(5.379.417.947)
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		486.928.189.560	(64.254.647)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.137.896.034.626	918.962.146.618

Người lập biểu



Đoàn Thị Hiền

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Hiền

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc




Phạm Minh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	5.078.531.169	110.700.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.078.531.169	110.700.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	17.809.390.318	105.625.276
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(12.730.859.149)	5.074.724
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	137.230.022.329	609.374.016
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	63.993.830.259	2.632.761.896
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.892.736.663	2.631.438.356
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		21.424.455.195	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	368.415.227	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	13.750.255.990	3.420.359.437
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		67.811.116.899	(5.438.672.593)
12. Thu nhập khác	31		-	-
13. Chi phí khác	32	VI.07	3.726.370.551	5.000.001
14. Lợi nhuận khác	40		(3.726.370.551)	(5.000.001)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		64.084.746.348	(5.443.672.594)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	8.130.604.480	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(2.557.772.078)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		58.511.913.946	(5.443.672.594)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		57.199.068.014	(5.379.417.947)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.312.845.932	(64.254.647)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	518	(67)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	518	(67)

Người lập biểu

Đoàn Thị Hiền

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Hiền

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		64.084.746.348	(5.443.672.594)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.305.907.897	56.912.112
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(3.666.882.804)	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(81.314.626.589)	(607.898.453)
- Chi phí lãi vay	06		16.892.736.663	2.631.438.356
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(698.118.485)	(3.363.220.579)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(5.346.464.889.278)	(288.156.068.522)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		176.901.223	(435.198.443)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.596.053.330.205	(45.629.185.562)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		724.860.196	(111.851.971)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(16.892.736.663)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(767.100.652.802)	(337.695.525.077)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.027.116.592.469)	(2.087.567.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(13.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.900.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		967.914.898.805	(21.834.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.346.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		70.447.906.590	607.898.453
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(965.507.787.074)	(36.813.668.820)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		400.000.000.000	269.740.100.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.769.749.964.742	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	125.750.000.000
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(10.000.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.169.749.964.742	385.490.100.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		437.141.524.866	10.980.906.103
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.991.535.032	10.628.929
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII	448.133.059.898	10.991.535.032

Người lập biểu



Đoàn Thị Hiền

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Hiền

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần BCG Energy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/06/2017, thay đổi lần thứ tư ngày 27/03/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 1.200.000.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2020: 1.200.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất điện (3511).

3. Ngành nghề kinh doanh

Phá dỡ; Sản xuất đồ điện dân dụng (không hoạt động tại trụ sở); Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình đường sắt; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở). Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh); Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh như thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật); Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê ô tô và xe có động cơ khác; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các Công ty con là trong vòng 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty và các Công ty con

Tổng số các Công ty con:	20	Công ty
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất:	20	Công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất:	0	Công ty

a. Danh sách các Công ty con kiểm soát trực tiếp được hợp nhất trong báo cáo

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL 934, Ấp Hòa Mỹ, Thị trấn Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng.	90%	90%
Công ty CP Năng lượng BCG Thạnh Hóa	31 Đường số 10, Ấp 4, Khu Dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	90%	90%
Công ty TNHH MTV Điện Mặt trời VNECO - Vĩnh Long	Số 174 đường Võ Văn Kiệt, Phường 9, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long.	100%	100%

a. Danh sách các Công ty con kiểm soát trực tiếp được hợp nhất trong báo cáo (Tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Số 26 đường Trần Khánh Dư, Tổ 1, Phường Diên Hồng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.	51%	51%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	57/11 Lê Hồng Phong, Khóm 7, Phường 8, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	93,6%	93,6%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	57/11 Lê Hồng Phong, Khóm 7, Phường 8, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	93,6%	93,6%
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. HCM.	99%	99%
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	51%	51%
Công ty Cổ phần Skylar	Tầng 14 - 08A Tòa Nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	99%	99%
Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng lượng Sạch	QL1A, Thôn Bình Long, Xã Mỹ Hiệp, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định.	85,9%	85,9%



b. Danh sách Công ty con kiểm soát gián tiếp được hợp nhất trong báo cáo

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM.	74,9%	74,15%
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, P. Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	69%	68,31%
Công ty TNHH BCG Evergreen 1	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	68,31%
Công ty TNHH BCG Evergreen 2	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	68,31%
Công ty TNHH BCG Evergreen 3	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	68,31%
Công ty TNHH BCG Evergreen 4	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	68,31%
Công ty Cổ phần Apollo Development	Tầng 14 - 08A Tòa Nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	69%	68,31%
Công ty TNHH MTV Apollo Development 1	344/38 DX90, đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	68,31%
Công ty TNHH MTV Apollo Development 2	344/38 DX90, đường Phan Đăng Lưu, KP3, Phường Hiệp An, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	100%	68,31%

b. Danh sách Công ty con kiểm soát gián tiếp được hợp nhất trong báo cáo (Tiếp theo)

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration (SEA JSC)	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM.	79%	78,21%

c. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.	50%	50%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã Long Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	32,48%	32,48%
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	VP 02, tầng 10, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.	50%	50%
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM.	49%	49%

d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Bleu Soliel	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM.	50%	49,50%
Công ty TNHH BCG Ever 5	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	40%	27,32%
Công ty TNHH BCG Ever 6	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	40%	27,32%
Công ty TNHH BCG Ever 7	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	40%	27,32%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng khoản đầu tư nắm giữ: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi cần được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

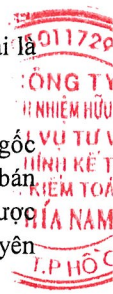
b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Máy móc thiết bị	03 - 20

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.



Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thẳng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

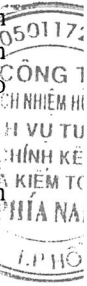
b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.



13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;

- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác ...

**18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

20. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

21. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua một lần mua

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con và phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua phải được loại trừ hoàn toàn, theo nguyên tắc:

- Công ty mẹ phải ghi nhận tài sản, nợ phải trả của công ty con theo giá trị hợp lý tại ngày mua;
- Công ty mẹ phải ghi nhận riêng rẽ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua;
- Công ty mẹ ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý cao hơn giá trị ghi sổ; Ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý nhỏ hơn giá trị ghi sổ.

Khoản lợi thế thương mại hoặc khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ trong quá trình mua công ty con (nếu có) được ghi nhận đồng thời khi loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con.

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát". Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con. Thu nhập của cổ đông không kiểm soát trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được phản ánh trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát - Mã số 62".

Khi xác định giá trị phần lợi ích cổ đông không kiểm soát cuối kỳ phải loại trừ ảnh hưởng của:

- Cổ tức ưu đãi phải trả;
- Quỹ khen thưởng phúc lợi phải trích lập trong kỳ.

Ngoài những điều trên, lợi ích cổ đông không kiểm soát còn bị ảnh hưởng bởi các giao dịch nội bộ khác.

c. Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty Con

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu (không ghi nhận như lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ). Trong trường hợp này, công ty mẹ không thực hiện việc ghi nhận tài sản thuần của công ty con theo giá trị hợp lý như tại thời điểm kiểm soát công ty con.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, trước khi thực hiện việc loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ và công ty con, kế toán phải thực hiện một số điều chỉnh đối với giá phí khoản đầu tư của công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

50117;
CÔNG T
NHIỆM H
VỤ T
ÁNH KẾ
KIỂM T
TÀI SẢN
T.P.HỒ

d. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ*- Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho*

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

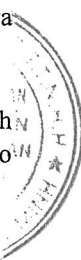
- Các khoản vay trong nội bộ

Nếu các đơn vị trong một tập đoàn có quan hệ vay mượn lẫn nhau thì số dư tiền vay trong nội bộ tập đoàn đang phản ánh trong các khoản mục “Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn”, “Vay và nợ thuê tài chính dài hạn”, khoản mục “Phải thu về cho vay ngắn hạn”, “Phải thu về cho vay dài hạn khác” phải được loại trừ toàn bộ. Theo đó, các khoản thu nhập từ cho vay và chi phí đi vay cũng phải loại trừ toàn bộ trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Điều chỉnh các khoản mục nội bộ khác

Số dư các khoản mục phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn, như phải thu, phải trả, doanh thu chưa thực hiện, chi phí trả trước... phải được loại trừ hoàn toàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản doanh thu, thu nhập, giá vốn, chi phí phát sinh từ các giao dịch khác trong nội bộ tập đoàn, như các khoản doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, doanh thu cho thuê, cung cấp dịch vụ... trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn.

**e. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ phân bổ lũy kế. Giá gốc lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.134.230.996	643.737.386
- Tiền gửi ngân hàng	442.198.828.902	347.797.646
- Các khoản tương đương tiền (*)	4.800.000.000	10.000.000.000
Tổng cộng	448.133.059.898	10.991.535.032

Ghi chú: (*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	2.583.087.714	19.562.000.000
- Nguyễn Tùng Phương Trúc	-	19.562.000.000
- Công ty Điện lực Bình Dương - Bắc Tân Uyên	268.321.400	-
- Các đối tượng khác	2.314.766.314	-
b. Phải thu khách hàng dài hạn	-	-

3. CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	533.883.134.037	1.043.473.700
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	365.036.932.637	-
- Công ty CP Green Solution	70.000.000.000	-
- Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	94.725.772.843	-
- Các đối tượng khác	4.120.428.557	1.043.473.700
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-



4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- a. Chứng khoán kinh doanh
b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

b.1 Ngắn hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng BIDV - CN Bà Chiểu
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng OCB

b.2 Dài hạn

Tổng cộng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ
	600.000.000	600.000.000	13.500.000.000	13.500.000.000
	600.000.000	600.000.000	-	-
	-	-	13.500.000.000	13.500.000.000
	-	-	-	-
Tổng cộng	600.000.000	600.000.000	13.500.000.000	13.500.000.000

Số cuối năm

Số đầu năm

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	348.215.252.302	369.639.707.497	279.529.900.000	279.529.900.000
+ Công ty TNHH Skylight Power	24.529.900.000	23.836.205.808	24.529.900.000	24.529.900.000
+ Công ty CP Hanwha BCG Băng Dương	255.000.000.000	277.341.217.450	255.000.000.000	255.000.000.000
+ Công ty CP Bleu Soleil	5.837.352.302	5.537.101.885	-	-
+ Công ty TNHH BCG Ever 5	280.000.000	279.197.784	-	-
+ Công ty TNHH BCG Ever 6	180.000.000	179.273.587	-	-
+ Công ty TNHH BCG Ever 7	183.000.000	182.270.675	-	-
+ Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	2.205.000.000	2.297.350.037	-	-
+ Công ty CP Năng lượng Dương Phong	60.000.000.000	59.987.090.271	-	-
- Đầu tư vào các đơn vị khác	147.590.000.000	147.590.000.000	590.000.000	590.000.000
+ Công ty CP Super Wind Energy Công Lý Cà Mau	147.000.000.000	147.000.000.000	-	-
+ Công ty CP Tracodi Power	590.000.000	590.000.000	590.000.000	590.000.000
Tổng cộng	495.805.252.302	517.229.707.497	280.119.900.000	280.119.900.000

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu ngắn hạn khác	2.203.062.277.230	-	82.429.434.287	-
- Tạm ứng	119.526.371.873	-	21.282.607.000	-
- Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	3.000.000	-
- Phải thu khác	2.083.520.905.357	-	61.143.827.287	-
+ Công ty CP Mega Solar (1)	168.617.520.548	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Điện gió Khai Long 1 (2)	100.000.000.000	-	-	-
+ Phạm Thị Ngọc Thanh (3)	345.000.000.000	-	-	-
+ Nguyễn Thị Quỳnh	-	-	50.400.000.000	-
+ Đỗ Phương Mai	-	-	10.000.000.000	-
+ Nguyễn Đình Ngón (4)	285.907.366.666	-	-	-
+ Nguyễn Tùng Phương Trúc (5)	310.668.299.680	-	-	-
+ Đối tượng khác	873.327.718.463	-	743.827.287	-
b. Phải thu dài hạn khác	3.046.249.973.001	-	503.530.000.000	-
- Phải thu khác	3.021.304.000.001	-	503.530.000.000	-
+ Công ty CP Green Solution (6)	200.000.000.000	-	147.000.000.000	-
+ Công ty CP Plus Investment (Công ty CP Tracodi Invest) (7)	529.200.000.000	-	-	-
+ Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Helios (8)	450.000.000.000	-	-	-
+ Công ty CP Mega Solar (9)	585.000.000.000	-	-	-
+ Công Ty cổ phần Điện Gió Khai Long 1 (10)	587.500.000.000	-	-	-
+ Công ty CP Bleu Soleil	37.517.588.995	-	-	-
+ Nguyễn Thị Quỳnh	-	-	59.900.000.000	-
+ Phạm Thị Ngọc Thanh	78.000.000.000	-	78.000.000.000	-
+ Bùi Quang Khởi	155.000.000.000	-	-	-
+ Trương Hoàng Vĩnh	68.100.000.000	-	68.100.000.000	-
+ Đỗ Phương Mai	39.000.000.000	-	127.800.000.000	-
+ Các đối tượng khác	291.986.411.006	-	22.730.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	24.945.973.000	-	-	-
Tổng cộng	5.249.312.250.231	-	585.959.434.287	-

Ghi chú:

(1) Khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác đầu tư và hợp tác kinh doanh giữa Công ty CP Mega Solar với các Công ty con - Công ty CP Wind Sóc Trăng và Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch để thực hiện các dự án.

(2) Khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác đầu tư và hợp tác kinh doanh giữa Công ty CP Điện gió Khai Long 1 và Công ty CP Wind Sóc Trăng để thực hiện các dự án.

(3) Khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác đầu tư và hợp tác kinh doanh giữa Bà Phạm Thị Ngọc Thanh với các Công ty con - Công ty Cổ phần Wind Sóc Trăng và Công ty CP Aurai Wind để thực hiện các dự án.

(4) Là các khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh có thời gian hợp tác 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

(5) Đây là khoản phải thu của Bà Nguyễn Tùng Phương Trúc theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh với các Công ty con của BCG để đầu tư vào các dự án năng lượng mặt trời. Thời gian hợp tác từ ngày ký hợp đồng cho đến khi kết thúc dự án.

(6) Là khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2019/HTKD/BCGENERGY-GREEN ngày 22/12/2019 có thời hạn 3 năm giữa Công ty CP BCG Energy và Công ty CP Green Solution.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

(7) Là khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HTKD/TNE_PLUS ngày 21/12/2020 có thời hạn 3 năm giữa Công ty con - Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên và Công ty CP Plus Investments.

(8) Khoản phải thu Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Helios theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2504/2020/HTKD-HELIOS-NLS ngày 25/04/2020 với Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch để thực hiện các dự án.

(9) Đây là khoản hợp tác đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0106/2020/HTKD-MGS-NLS ngày 01/06/2020 giữa Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng sạch và Công ty CP Mega Solar.

(10) Khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác đầu tư và hợp tác kinh doanh giữa Công ty CP Điện gió Khai Long 1 và các Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 để thực hiện các dự án.

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	131.651.766	-	390.089.352	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	126.645.454	-	45.109.091	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	258.297.220	-	435.198.443	-

7. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	-	-
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.768.837.404.599	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	3.768.837.404.599	-
+ Dự án Nhà máy điện Phù Mỹ	3.038.798.865.860	-
+ Xây dựng cơ bản dở dang khác	730.038.538.739	-
Tổng cộng	3.768.837.404.599	-

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	-	-	2.087.567.273	-	-	2.087.567.273
2. Số tăng trong năm	-	147.309.098.120	3.766.705.091	-	-	151.075.803.211
- Mua trong năm	-	147.309.098.120	3.766.705.091	-	-	151.075.803.211
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	147.309.098.120	5.854.272.364	-	-	153.163.370.484
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	-	-	56.912.112	-	-	56.912.112
2. Khấu hao trong năm	-	2.011.717.401	393.251.101	-	-	2.404.968.502
- Khấu hao tăng trong năm	-	2.011.717.401	393.251.101	-	-	2.404.968.502
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	2.011.717.401	450.163.213	-	-	2.461.880.614
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	2.030.655.161	-	-	2.030.655.161
2. Tại ngày cuối năm	-	145.297.380.719	5.404.109.151	-	-	150.701.489.870

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	904.239.418	-
- Chi phí CCDC xuất dùng	494.778.814	-
- Chi phí khác	409.460.604	-
b. Dài hạn	3.429.890.478	5.051.851.971
- Chi phí CCDC xuất dùng	674.007.700	97.571.969
- Chi phí khác	2.755.882.778	4.954.280.002
Tổng cộng	4.334.129.896	5.051.851.971

10. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	3.364.803.297.743	3.364.803.297.743	6.446.500	6.446.500
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	1.806.024.180.613	1.806.024.180.613	-	-
- Công ty CP Xây Lắp Điện I	101.453.631.016	101.453.631.016	-	-
- Công ty TNHH Thái Hòa	330.068.307.692	330.068.307.692	-	-
- Nguyễn Văn Lục	633.259.670.213	633.259.670.213	-	-
- Các đối tượng khác	493.997.508.209	493.997.508.209	6.446.500	6.446.500
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	3.364.803.297.743	3.364.803.297.743	6.446.500	6.446.500

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
a. Phải nộp	76.735.407	173.918.088.145	165.299.097.581	8.695.725.971
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	163.897.144.939	163.897.144.939	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.130.604.480	-	8.130.604.480
Thuế thu nhập cá nhân	76.735.407	1.218.631.392	730.245.308	565.121.491
Thuế khác	-	671.707.334	671.707.334	-
b. Phải thu	-	599.323	9.749.154	9.149.831
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	599.323	749.154	149.831
Thuế khác	-	-	9.000.000	9.000.000

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	33.326.508.937	2.619.438.356
- Lãi vay, trái phiếu phải trả	10.987.528.055	2.619.438.356
- Tạm trích chi phí giá vốn xây dựng	22.338.980.882	-
b. Dài hạn	-	-
Tổng cộng	33.326.508.937	2.619.438.356

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	217.764.599.676	5.650.062.520
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	49.946.816	16.064.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	217.714.652.860	5.633.998.520
+ Công ty CP Bamboo Capital	5.475.000.000	5.435.000.000
+ Công ty CP Đầu Tư Dịch Vụ Orchid	38.815.476.438	-
+ Công ty CP Green Solution	18.455.555.556	-
+ Công ty CP BCG Megasolar	17.000.000.000	-
+ Công ty CP BCG Land Gateway	87.152.547.944	-
+ Các khoản phải trả khác	50.816.072.922	198.998.520
b. Dài hạn	3.522.283.900.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.522.283.900.000	-
+ Công ty CP BCG Land Gateway (1)	1.042.000.000.000	-
+ Công ty CP Đầu Tư Dịch Vụ Orchid	61.900.000.000	-
+ Công ty CP Green Solution (2)	529.200.000.000	-
+ Trần Thị Kiều Tiên	110.070.000.000	-
+ Vũ Ngọc Tiến	242.500.000.000	-
+ Phạm Đăng Khoa	150.000.000.000	-
+ Công ty CP Năng lượng mặt trời Tân Thành 1 (3)	361.390.000.000	-
+ Công ty TNHH SX - XNK - TM DV Tổng hợp Hoàn Vũ	171.500.000.000	-
+ Phạm Thị Ngọc Thanh (4)	355.498.900.000	-
+ Nguyễn Duy Kym (4)	253.000.000.000	-
+ Nguyễn Thái Thanh Huy (4)	211.700.000.000	-
+ Các đối tượng khác	33.525.000.000	-

Ghi chú:

(1) Đây là các khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa các công ty - Công ty CP BCG Energy và Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch với Công ty CP BCG Land Gateway, thời hạn hợp tác từ 03 đến 10 năm từ năm 2020.

(2) Đây là khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty con - Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên và Công ty CP Green Solution, dự án Krong Pa 2, thời hạn 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

(3) Đây là khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 23112020/2020/HTKD-TANTHANH-BCGE ngày 23/11/2020 giữa Công ty CP BCG Energy và Công Ty CP Năng Lượng Mặt Trời Tân Thành 1.

(4) Là khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty CP BCG Energy và các cá nhân để cùng thực hiện "dự án kinh doanh". Các bên sẽ phân chia lợi nhuận căn cứ vào báo cáo tình hình kinh doanh của từng dự án.

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Phát sinh		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</i>						
- <i>Vay ngắn hạn</i>	-	-	-	-	-	-
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	-	11.574.948.216	-	11.574.948.216	11.574.948.216
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành (4)	-	-	1.014.948.216	-	1.014.948.216	1.014.948.216
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bến Thành (5)	-	-	10.560.000.000	-	10.560.000.000	10.560.000.000
- <i>Nợ thuế tài chính ngắn hạn</i>	-	-	90.000.000.000	-	90.000.000.000	90.000.000.000
+ Công ty CP Năng lượng TNPowerr	-	-	90.000.000.000	-	90.000.000.000	90.000.000.000
- <i>Trái phiếu đến hạn trả</i>	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	-	-	101.574.948.216	-	101.574.948.216	101.574.948.216
<i>b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</i>						
- <i>Vay dài hạn</i>	-	-	443.625.016.526	-	443.625.016.526	443.625.016.526
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành (1)	-	-	30.663.000.000	-	30.663.000.000	30.663.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 12 - TP.HCM (2)	-	-	261.537.907.266	-	261.537.907.266	261.537.907.266
+ Ngân hàng SHB - CN Phú Nhuận (3)	-	-	8.336.384.334	-	8.336.384.334	8.336.384.334
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành (4)	-	-	16.969.201.784	-	16.969.201.784	16.969.201.784
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bến Thành (5)	-	-	126.118.523.142	-	126.118.523.142	126.118.523.142
Tổng cộng	-	-	443.625.016.526	-	443.625.016.526	443.625.016.526

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Lãi suất
c. Trái phiếu thường				
- Trái phiếu ngắn hạn				
- Trái phiếu dài hạn				
+ Loại phát hành theo mệnh giá	(6)			11,0%
+ Loại phát hành theo mệnh giá	(6)			11,0%
+ Loại phát hành theo mệnh giá	(6)			11,0%
+ Loại phát hành theo mệnh giá	(7)			11%
Tổng cộng				
				586.567.000.000

Ghi chú:

(1) Đây là các khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành của các Công ty con. Mục đích vay: đầu tư dự án Điện năng lượng mặt trời áp mái, thời hạn vay không quá 120 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản liên quan của dự án Dự án.

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 12 TP.HCM của Công ty CP Phát triển Tâm nhìn Năng lượng sạch theo hợp đồng vay số 79/2020/HĐCVDADĐT/NHCT944-NLS ngày 09/10/2020. Mục đích: cho vay thanh toán chi phí đầu tư Dự án. Thời hạn vay 126 tháng.

(3) Đây là khoản vay vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Phú Nhuận của Công ty CP Nông thôn Việt Energy; Mục đích: Cho vay vốn đầu tư dự án "Điện mặt trời áp mái 800 kWp", thời hạn vay 10 năm. Hạn mức vay: 9 tỷ đồng.

(4) Đây là khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành, bao gồm:

- Hợp đồng vay dài hạn số 17/2020/HĐTD/TTKHDNL MN2/01 ngày 10/07/2020, số tiền vay 10.000.000.000 VND, thời hạn vay 84 tháng. Số dư nợ vay tại 31/12/2020 là 9.984.150.000 VND;

- Hợp đồng vay dài hạn số 17/2020/HĐTD/TTKHDNL MN2/02 ngày 17/09/2020, số tiền vay 8.000.000.000 VND, thời hạn vay 120 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản của Dự án. Số dư nợ vay tại 31/12/2020 là 8.000.000.000 VND.

(5) Đây là khoản vay theo Hợp đồng vay dài hạn số BEN/20226 ngày 18/12/2020, số tiền vay 150.000.000.000 VND, mục đích vay: đầu tư dự án Điện năng lượng mặt trời, thời hạn vay 84 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản liên quan của dự án Dự án.

(6) Theo Hợp đồng đặt mua số BCGE/2020/HĐDM_SHS ngày 31/08/2020 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội và Công ty Cổ phần BCG Energy liên quan đến trái phiếu BCGE có tổng mệnh giá 220 tỷ đồng. Phát hành từ ngày 31/08/2020. Mệnh giá: 10.000.000 đồng/Trái phiếu.

(7) Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Năng lượng Thành Nguyên phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư trong nước, Mã Trái phiếu: BOND.TNE.2020.01

Đến ngày 31/12/2020, Số lượng trái phiếu đã phát hành là 3.665.670/4.000.000 trái phiếu; Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu; Thời hạn: 1 năm 1 ngày. Lãi suất danh nghĩa: 11%/năm; Lãi suất phát hành thực tế: 11%/năm; Thời gian phát hành: ngày 28/12/2020.

Là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo lãnh thanh toán và được đảm bảo bằng tài sản, có lãi suất cố định.

15. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phát hành trong năm	Đáo hạn trái phiếu		Số cuối năm
				Thực hiện quyền chọn chuyển đổi	Không thực hiện quyền chọn chuyển đổi	
1	Kỳ hạn gốc (tháng)					
(a)	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	36				36
(b)	Trái phiếu chuyển đổi NLS (05/12/2020)		12			12
2	Kỳ hạn còn lại (tháng)					
(a)	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	32				20
(b)	Trái phiếu chuyển đổi NLS (05/12/2020)		12			11,5
3	Số lượng (trái phiếu)					
(a)	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	1.157.500				1.157.500
(b)	Trái phiếu chuyển đổi NLS (05/12/2020)		100.455			100.455
4	Mệnh giá (đồng/ trái phiếu)					
(a)	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	100.000				100.000
(b)	Trái phiếu chuyển đổi NLS (05/12/2020)		10.000.000			10.000.000
5	Lãi suất (%)					
(a)	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	7%				7%
(b)	Trái phiếu chuyển đổi NLS (05/12/2020)		10,5%			10,5%
6	Tỷ lệ chuyển đổi					
(a)	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)					
(b)	Trái phiếu chuyển đổi NLS (05/12/2020)					
7	Lãi suất chiết khấu					
(a)	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)					
(b)	Trái phiếu chuyển đổi NLS (05/12/2020)					
8	Nợ gốc trái phiếu					
(a)	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	115.750.000.000	1.004.550.000.000			1.120.300.000.000
(b)	Trái phiếu chuyển đổi NLS (05/12/2020)	115.750.000.000				115.750.000.000
9	Quyền chọn chuyển đổi					
(a)	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)					
(b)	Trái phiếu chuyển đổi NLS (05/12/2020)		1.004.550.000.000			1.004.550.000.000

15. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (a) Công ty Cổ phần BCG Energy phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư nước ngoài là Công ty Hanwha Energy Corporation Singapore Pte. Ltd. theo Hợp đồng ngày 13/08/2019. Mã Trái phiếu: BOND/BE/2019.01
- Số lượng trái phiếu: 1.157.500 trái phiếu; Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu; Thời hạn: 3 năm; Lãi suất danh nghĩa: 7%/năm; Lãi suất phát hành thực tế: 7%/năm; Thời gian phát hành: từ ngày 04/09/2019.
 - Quyền chuyển đổi: sau kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu, toàn bộ trái phiếu phát hành sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu của Công ty CP BCG Energy, với trị giá mệnh giá chuyển đổi là 10.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ chuyển đổi: bằng mệnh giá Trái phiếu chia cho giá chuyển đổi được xác định tại thời điểm chuyển đổi.
 - (b) - Công ty Cổ Phần Phát triển Tâm nhìn Năng lượng sạch phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư nước ngoài là Công ty Leader Energy (Vietnam) Pte. Ltd. Mã trái phiếu: NLS_BOND_2020.
 - Số lượng trái phiếu: 100.455 trái phiếu; Mệnh giá: 10.000.000 đồng/Trái phiếu; Thời hạn: 1 năm 1 ngày; Lãi suất phát hành thực tế: 10,5%/năm; Thời gian phát hành: từ ngày 05/12/2020; Loại hình trái phiếu: trái phiếu chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo; Phương thức thanh toán gốc và lãi: lãi sẽ được thanh toán tại ngày đáo hạn.
 - Quyền chuyển đổi: sau kỳ hạn kể từ ngày phát hành trái phiếu, toàn bộ trái phiếu phát hành sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu của Công ty CP Phát triển tâm nhìn Năng lượng sạch. Tỷ lệ chuyển đổi: bằng mệnh giá Trái phiếu chia cho giá chuyển đổi được xác định tại thời điểm chuyển đổi.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của *Vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2019	530.259.900.000	-	-	-	(28.204.562)	(574.464)	530.231.120.974
- Tăng vốn	269.740.100.000	-	-	-	-	-	269.740.100.000
- Lợi nhuận tăng/(giảm) trong năm	-	-	-	-	(5.379.417.947)	(64.254.647)	(5.443.672.594)
Số dư tại ngày 31/12/2019	800.000.000.000	-	-	-	(5.407.622.509)	(64.829.111)	794.527.548.380
Số dư tại ngày 01/01/2020	800.000.000.000	-	-	-	(5.407.622.509)	(64.829.111)	794.527.548.380
- Tăng vốn	400.000.000.000	-	-	-	-	-	400.000.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	57.199.068.014	1.312.845.932	58.511.913.946
- Tăng/(giảm) do hợp nhất Công ty con	-	-	-	-	53.372.492	485.680.172.739	485.733.545.231
Số dư tại ngày 31/12/2020	1.200.000.000.000	-	-	-	51.844.817.997	486.928.189.560	1.738.773.007.557

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Công ty CP Bamboo Capital	1.188.000.000.000	792.000.000.000
- Lê Thị Mai Loan	6.000.000.000	4.000.000.000
- Nguyễn Thanh Hùng	6.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	1.200.000.000.000	800.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
+ Vốn góp đầu năm	800.000.000.000	530.259.900.000
+ Vốn góp tăng trong năm	400.000.000.000	269.740.100.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.200.000.000.000	800.000.000.000
- <i>Cổ tức lợi nhuận đã chia</i>	-	-

d. Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.000.000	80.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	120.000.000	80.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>120.000.000</i>	<i>80.000.000</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	120.000.000	80.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>120.000.000</i>	<i>80.000.000</i>

* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	5.078.531.169	110.700.000
- Doanh thu cung cấp hàng hoá, thành phẩm	2.712.743.520	110.700.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.365.787.649	-

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.953.006.442	105.625.276
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	15.856.383.876	-
Cộng	17.809.390.318	105.625.276

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.097.690.410	609.374.016
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	5.760.000.000	-
- Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	126.594.533.499	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	110.915.616	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.666.882.804	-
Cộng	137.230.022.329	609.374.016

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	16.892.736.663	2.631.438.356
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	72.221.450	-
- Chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư	46.668.872.146	-
- Chi phí tài chính khác	360.000.000	1.323.540
Cộng	63.993.830.259	2.632.761.896

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	368.415.227	-
- Chi phí nhân viên	1.690.000	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	7.238.523	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	320.135.885	-
- Chi phí bằng tiền khác	39.350.819	-
b. Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ	13.750.255.990	3.420.359.437
- Chi phí nhân viên quản lý	6.638.964.390	2.006.164.411
- Chi phí vật liệu quản lý	19.617.140	1.280.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	176.262.135	24.564.396
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	56.912.112
- Thuế, phí và lệ phí	49.081.343	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.447.000.540	1.268.016.629
- Chi phí bằng tiền khác	1.518.391.047	60.421.889

6. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.320.927	1.280.000
- Chi phí nhân công	11.599.194.004	2.006.164.411
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.305.907.897	56.912.112
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.341.902.280	1.268.016.629
- Chi phí bằng tiền khác	1.781.381.557	87.986.285
Cộng	37.049.706.665	3.420.359.437

7. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Tiền phạt, tiền thuế khác phải đóng do vi phạm hành chính	900.831.001	-
- Các khoản khác	2.825.539.550	5.000.001
Cộng	3.726.370.551	5.000.001

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	64.084.746.348	(5.443.672.594)
+ Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận tính thuế	(5.571.260.131)	
- Tổng thu nhập chịu thuế	58.513.486.217	(5.443.672.594)
+ Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(437.739.942)	
- Tổng thu nhập tính thuế	58.075.746.275	(5.443.672.594)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.130.604.480	-
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.615.149.255	-
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(3.484.544.775)	-

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	57.199.068.014	(5.379.417.947)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	110.356.164	80.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	518	(67)

10. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	57.199.068.014	(5.379.417.947)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	110.356.164	80.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	518	(67)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

<i>Đơn vị</i>	<i>Quan hệ</i>
Công ty CP Bamboo Capital	Công ty mẹ
Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Cùng công ty mẹ
Công ty CP BCG Land	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH Indochina Hội An Beach Villas	Cùng công ty mẹ
Công ty Liên doanh khai thác và Chế biến VLXD An Giang	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Xuất khẩu Lao động Tracodi	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Du lịch Casa Marina Resort	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Thành Phúc	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH Pegas	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Tracodi Trading & Consulting	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Friends	Cùng công ty mẹ
Công ty CP BCG Khu công nghiệp Cát Trinh	Cùng công ty mẹ
Công ty CP Sao Sáng Sài Gòn	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Côn Bắp	Cùng công ty mẹ
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con
Công ty CP Năng lượng BCG Thạnh Hóa	Công ty con
Công ty CP Nông thôn Việt Energy	Công ty con
Công ty CP Skylar	Công ty con
Công ty CP Phát triển Tâm nhìn Năng lượng Sạch	Công ty con
Công ty CP Greensky Infinitive	Công ty con
Công ty CP BCG Evergreen	Công ty con
Công ty CP Apollo Development	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Công ty con
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Công ty con
Công ty CP Aurai Wind Energy	Công ty con
Công ty TNHH BCG Evergreen 1	Công ty con
Công ty TNHH BCG Evergreen 2	Công ty con
Công ty TNHH BCG Evergreen 3	Công ty con
Công ty TNHH BCG Evergreen 4	Công ty con
Công ty TNHH MTV Apollo Development 1	Công ty con
Công ty TNHH MTV Apollo Development 2	Công ty con
Công ty CP Sustainable Energy Aspirarion	Công ty con
Công ty TNHH MTV Điện Mặt trời Vneco - Vĩnh Long	Công ty con
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết trực tiếp
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Công ty liên kết trực tiếp
Công ty CP Năng lượng Dương Phong	Công ty liên kết trực tiếp
Công ty CP Bleu Soliel	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever 5	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever 6	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever 7	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên kết trực tiếp
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan



b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

<i>Đơn vị</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số tiền</i>
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát	Lương, thưởng, phụ cấp khác	1.493.010.000
Phạm Minh Tuấn	Mượn tiền	600.000.000
	Tạm ứng	1.200.000.000
Nguyễn Hồ Nam	Mượn tiền	30.000.000.000
	Mượn tiền	271.500.000.000
Công ty CP Bamboo Capital	Phí tư vấn	7.058.000.000
	Tạm ứng mua Cổ phần	58.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Chuyển tiền hợp tác	20.197.103.860
	Hợp tác kinh doanh	14.438.727.292
Công ty TNHH BCG Ever 5	Cho mượn	10.000.000
	Lãi hợp tác	406.344.409
	Hợp tác kinh doanh	14.438.727.292
Công ty TNHH BCG Ever 6	Cho mượn	10.000.000
	Lãi hợp tác	506.344.409
	Hợp tác kinh doanh	8.710.981.833
Công ty TNHH BCG Ever 7	Cho mượn	10.000.000
	Lãi hợp tác	401.026.394
	Hợp tác kinh doanh	37.517.588.995
Công ty CP Bleu Soleil	Cho mượn	17.000.000
	Lãi hợp tác	1.845.905.819

c. Số dư với các bên liên quan

<i>Đơn vị</i>	<i>Mã trên CDKT</i>	<i>Số tiền</i>
Nguyễn Hồ Nam	319	30.140.000.000
Công ty CP Bamboo Capital	311	91.300.000
	319	5.475.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	132	365.036.932.637
	136	416.344.409
Công ty TNHH BCG Ever 5	216	14.438.727.292
	136	516.344.409
Công ty TNHH BCG Ever 6	216	14.438.727.292
	136	411.026.394
Công ty TNHH BCG Ever 7	216	8.710.981.833
	136	1.862.905.819
Công ty CP Bleu Soleil	216	37.517.588.995

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin báo cáo bộ phận được trình bày chủ yếu là kết quả kinh doanh lợi nhuận thuần theo bộ phận khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận lợi nhuận thuần bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Do trong kỳ công ty chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước nên báo cáo bộ phận về lợi nhuận thuần chủ yếu theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Bán hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Xây lắp	Tổng cộng
Doanh thu thuần	2.712.743.520	2.365.787.649	-	5.078.531.169
Giá vốn	1.953.006.442	15.856.383.876	-	17.809.390.318
Lợi nhuận gộp	759.737.078	(13.490.596.227)	-	(12.730.859.149)

3. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu



Đoàn Thị Hiền

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Hiền

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Tuấn